

Số: /KH

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN (Môn học/hoạt động giáo dục) ĐỊA LÍ

Năm học 2022 - 2023

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 18; Số học sinh: 782; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 00.

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 00 Đại học: 03; Trên đại học: 00.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00.

3. Thiết bị dạy học:

KHỐI 8

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính/LCD	1 máy/ 1 lớp	Các tiết dạy lí thuyết, thực hành	GV chủ động sử dụng
2	Tranh ảnh	Không hạn định	Các tiết dạy	GV hướng dẫn HS khai thác hiệu quả
3	Đồ dùng trực quan	Không hạn định	Các tiết dạy	GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả

KHỐI 9

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính/LCD	1 máy/ 1 lớp	Các tiết dạy lí thuyết, thực hành	GV chủ động sử dụng
2	Tranh ảnh	Không hạn định	Các tiết dạy	GV hướng dẫn HS khai thác hiệu quả
3	Đồ dùng trực quan	Không hạn định	Các tiết dạy	GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	P. Mỹ thuật	01	Thao giảng/ Chuyên đề	GV đăng kí sử dụng
2	Sân chơi	01	Chuyên đề: Biển - đảo	
3	P. Thư viện	01	HS sử dụng internet tìm hiểu nội dung bài học	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

KHỐI 8

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/ lồng ghép (4)	Nội dung điều chỉnh theo VB 3280/ BGDDT - GDTrH
1	Bài 1: Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản châu Á.	1	1. Kiến thức: - Trình bày đặc điểm vị trí địa lý, giới hạn, hình dạng và kích thước của Châu Á. Nêu được ý nghĩa của nó đối với khí hậu.		

			<p>- Trình bày được đặc điểm địa hình và khoáng sản Châu Á.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ (xác định châu Á, tiếp giáp, tên các dãy núi chính, đồng bằng, sơn nguyên, khoáng sản ...)</p> <p>- Phân tích và so sánh các đối tượng trên lược đồ.</p> <p>3. Thái độ: sử dụng tiết kiệm, hợp lý tài nguyên khoáng sản.</p>		
2	Bài 2: Khí hậu châu Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Hiểu được tính phức tạp, đa dạng của khí hậu Châu Á (phân hoá thành nhiều đới, nhiều kiểu và theo độ cao) mà nguyên nhân chính, là do vị trí địa lý, kích thước rộng lớn và địa hình bị chia cắt mạnh.</p> <p>- Nêu và giải thích được sự khác nhau giữa kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa.</p> <p>- Học sinh nắm được nơi phân bố và đặc điểm các kiểu khí hậu chính của Châu Á.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ (xác định các đới khí hậu, các kiểu khí hậu, xác định khí hậu của một địa điểm ..)</p> <p>- Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm ở châu Á.</p> <p>- Xác lập mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên: vị trí, kích thước lãnh thổ, địa hình ... với khí hậu châu Á.</p> <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên.</p>		<p>- Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: không yêu cầu học sinh làm</p>

3	Bài 3: Sông ngòi và cảnh quan châu Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được đặc điểm chung của sông ngòi châu Á. Trình bày và giải thích sự khác nhau về chế độ nước, giá trị của các khu vực sông khác nhau. - Nắm được sự phân hóa đa dạng của các cảnh quan tự nhiên và mối liên hệ giữa khí hậu với cảnh quan. - Trình bày những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên Châu Á. (HS tự học) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ (xác định được các con sông lớn, hướng chảy và miền khí hậu chảy qua, các đới cảnh quan) - Quan sát tranh ảnh. - Phân tích, tổng hợp kiến thức từ các bài trước. <p>3. Thái độ: bảo vệ tự nhiên, môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn năng lượng sạch ...</p>		
4	Bài 4: Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nguồn gốc hình thành và sự thay đổi hướng gió của khu vực gió mùa Châu Á. - Trình bày những thuận lợi và khó khăn của hoàn lưu gió mùa, đặc biệt ảnh hưởng của gió mùa với Việt Nam. <p>2. Kỹ năng :</p> <p>Đọc bản đồ (xác định các khu vực áp, các loại gió, hướng gió phân tích sự thay đổi hướng gió, ảnh hưởng của gió mùa)</p>		

			3. Thái độ: nắm bắt quy luật gió mùa, ý nghĩa của việc bố trí mùa vụ, ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt.		
5	Bài 5: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích một số đặc điểm nổi bật của dân cư, xã hội châu Á. + Tình hình gia tăng dân số của Châu Á so với thế giới và các châu lục. + Các chủng tộc và sự phân bố các chủng tộc. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tính toán - Nhận xét, so sánh số liệu để rút ra nhận xét sự gia tăng dân số Châu Á so với các châu lục. - Quan sát ảnh. - Đọc lược đồ (xác định các nước đông dân, phân bố chủng tộc, xác định nơi ra đời các tôn giáo) <p>3. Thái độ: thực hiện chính sách dân số, tôn trọng tự do tín ngưỡng.</p>	Tích hợp giáo dục dân số	- Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu vẽ biểu đồ, GV hướng dẫn HS nhận xét.
6	Bài 6: Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn.	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được đặc điểm phân bố dân cư (nơi đông dân và nơi thưa dân) - Giải thích khu vực đông dân, thưa dân.(liên hệ các kiến thức đã học để tìm các yếu tố ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư và các thành phố Châu Á: khí hậu, địa hình, sông ngòi ...) - Nắm được vị trí các thành phố lớn của Châu Á. (HS tự làm) 		

			<p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng quan sát, đọc bản đồ (xác định các khu vực đông dân, các nước đông dân, vị trí các thành phố lớn châu Á). - Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số đô thị của châu Á. - Nhận xét bảng số liệu. <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hợp lí ...</p>		
7	Bài 7: Đặc điểm phát triển kinh tế xã hội các nước châu Á	1	<p>1. Kiến thức: Trình bày và giải thích một số đặc điểm phát triển kinh tế xã hội các nước Châu Á hiện nay.</p> <p>2. Kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, nhận xét bảng số liệu. - Đọc bản đồ (xác định một số quốc gia theo đặc điểm phát triển kinh tế) - Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ cột so sánh mức thu nhập bình quân theo đầu người của các nước. <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hợp lí ...</p>		- Mục 1: HS tự học.
8	ÔN TẬP KIỂM TRA	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố và hệ thống lại những kiến thức đã học về Châu Á: <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan. + Dân cư, xã hội, phân bố dân cư và giải thích. 		

			<p>+ Đặc điểm phát triển kinh tế châu Á.</p> <p>2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ cột, phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa, đồ thị gia tăng dân số, nhận xét bảng số liệu, các dãy núi, sông ngòi, đồng bằng, sơn nguyên, các đới khí hậu ...</p> <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>		
9	KIỂM TRA GIỮA HKI	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh, kỹ năng phân tích lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ. - HS tự đánh giá lại tình hình học tập của bản thân. GV đánh giá chất lượng giảng dạy của mình và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp. - củng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS. - Kiểm tra ở 2 cấp độ nhận thức: Nhận biết và thông hiểu. - Hình thức: tự luận. 		
10	Bài 8: Tình hình phát triển kinh tế xã hội các nước châu Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được tình hình phát triển và phân bố chủ yếu của các ngành kinh tế, đặc biệt là những thành tựu về nông nghiệp, công nghiệp ở nước ta và vùng lãnh thổ Châu Á. - Nắm được xu hướng phát triển hiện nay của các nước và vùng lãnh thổ Châu Á là ưu tiên phát triển công nghiệp, dịch vụ và không ngừng nâng cao đời sống. 		

			<p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc, phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và hoạt động kinh tế, đặc biệt sự phân bố cây trồng, vật nuôi. - Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích bảng số liệu và biểu đồ tròn. <p>3. Thái độ: sử dụng tài nguyên khoáng sản hợp lý và tiết kiệm.</p>		
11	Bài 9: Khu vực Tây Nam Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày vị trí, giới hạn của khu vực và ý nghĩa chiến lược quan trọng của khu vực Tây Nam Á. - Nắm được những thuận lợi và khó khăn của các đặc điểm tự nhiên (địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, khí hậu nhiệt đới khô, có nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí đốt lớn nhất thế giới) và đặc điểm dân cư, xã hội - Trình bày đặc điểm kinh tế của khu vực: công nghiệp, thương mại phát triển, nhất là công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí và đọc tên các quốc gia. - Xác định vị trí địa lý và giới hạn. - Kỹ năng quan sát tranh ảnh □ rút ra nhận xét, kết luận. - Tìm mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với nhau và với kinh tế, vận dụng giải thích một số vấn đề. 		

			3. Thái độ: nguồn dầu mỏ là tài nguyên cạn kiệt, phải sử dụng hợp lí, tiết kiệm.		
12	Bài 10: Đặc điểm tự nhiên khu vực Nam Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vị trí, giới hạn khu vực; tên các nước trong khu vực - Trình bày đặc điểm 3 miền địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan của khu vực. - Nắm được đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, tính nhịp điệu hoạt động của gió mùa ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của dân cư trong khu vực. - Nắm được ảnh hưởng của địa hình đối với khí hậu của khu vực đặc biệt là sự phân bố lượng mưa. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí, giới hạn, tên các nước. - Đọc bản đồ (xác định địa hình, sông ngòi, gió mùa ... - Nhận biết phân tích các yếu tố tự nhiên, rút ra mối quan hệ giữa chúng. - Phân tích sự ảnh hưởng địa hình đối với lượng mưa. <p>3. Thái độ: nắm được quy luật gió mùa ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt.</p>		
13	Bài 11: Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm nổi bật dân cư, kinh tế xã hội của khu vực. 		

			<p>+ Là khu vực đông dân với mật độ dân số lớn nhất thế giới, phân bố dân cư không đều.</p> <p>+ Tôn giáo chủ yếu là theo Ấn Độ Giáo, Hồi Giáo, có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế – xã hội Nam Á.</p> <p>- Nắm được các nước trong khu vực có nền kinh tế đang phát triển, trong đó Ấn Độ có nền kinh tế phát triển nhất.</p> <p>2. Kỹ năng :</p> <p>- Đọc bản đồ phân bố dân cư.</p> <p>- Phân tích, nhận xét bảng số liệu.</p> <p>- Đọc bản đồ kinh tế Nam Á.</p> <p>- Kỹ năng tính mật độ dân số.</p> <p>3. Thái độ: thực hiện tốt chính sách dân số.</p>		
14	Bài 12: Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Nắm được vị trí địa lí, các quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc khu vực Đông Á.</p> <p>- Nắm được các đặc điểm về địa hình, sông ngòi và cảnh quan tự nhiên khu vực.</p> <p>- Nắm được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên: vị trí, địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Rèn kỹ năng đọc, phân tích bản đồ và một số hình ảnh để nắm được vị trí, địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan khu vực.</p> <p>3. Thái độ: yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường xung quanh.</p>		

15	Bài 13: Tình hình phát triển kinh tế xã hội khu vực Đông Á.	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung về dân cư và sự phát triển KT-XH của khu vực Đông Á. - Trình bày đặc điểm phát triển KT-XH của Đông Á và một số nước như Nhật Bản và Trung Quốc. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, phân tích các bảng số liệu. - Đọc bản đồ (xác định các nước, công nghiệp, ...) <p>3. Thái độ: ý thức học tập tốt.</p>		- Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu HS làm
16	ÔN TẬP	1	<p>1. Kiến thức: củng cố và hệ thống kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi và cảnh quan châu Á) và giải thích. - Đặc điểm dân cư xã hội châu Á - Các khu vực Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á: vị trí, giới hạn, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư, đặc điểm kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) <p>2. Rèn luyện kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng vẽ biểu đồ và nhận xét, tính MĐDS. - Nhận xét bảng số liệu, giải thích, chứng minh. - Đọc bản đồ. <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>		
17	KIỂM TRA CUỐI HKI	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh, kỹ năng phân tích lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ. 		

			<ul style="list-style-type: none"> - HS tự đánh giá lại tình hình học tập của bản thân. GV đánh giá chất lượng giảng dạy của mình và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp. - củng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS. - Kiểm tra ở 2 cấp độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu. - Hình thức: tự luận. 		
18	Sửa bài kiểm tra	1	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá năng lực học tập của mình. - Rút kinh nghiệm cho những bài kiểm tra sau 		
19	Bài 14: Đông Nam Á – đất liền và hải đảo	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định phạm vi khu vực Đông Nam Á (gồm bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai), nêu ý nghĩa chiến lược của Đông Nam Á. - Nắm được đặc điểm tự nhiên chính của khu vực (chủ yếu là đồi núi, đồng bằng phù sa màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa, cảnh quan là rừng rậm nhiệt đới) và giải thích các đặc điểm về địa hình, khí hậu, thủy chế và cảnh quan tự nhiên. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phân tích bản đồ, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa để nhận biết vị trí khu vực Đông Nam Á ở Châu Á và trên thế giới và rút ra ý nghĩa lớn lao của vị trí cầu nối. - Kỹ năng phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên để giải thích một số đặc điểm về khí hậu, chế độ nước, cảnh quan khu vực. 		

			3. Thái độ: bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, yêu thương giúp đỡ đồng bào bị thiên tai.		
20	Bài 15: Đặc điểm dân cư xã hội Đông Nam Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các quốc gia Đông Nam Á. - Nắm được Đông Nam Á là khu vực có dân số đông, tăng khá nhanh, dân cư phân bố không đều (tập trung đông dân cư nhất là các đồng bằng và vùng ven biển) và giải thích. - Nắm được đặc điểm xã hội Đông Nam Á, thấy được những đặc điểm chung và đặc điểm riêng của các nước tạo nên đặc trưng “thống nhất trong đa dạng” của khu vực Đông Nam Á. (HS tự học) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bảng số liệu. - Đọc bản đồ (xác định các nước trong khu vực) - Tính mật độ dân số các nước. - củng cố kỹ năng phân tích, so sánh, sử dụng tư liệu để tìm hiểu đặc điểm về dân cư, văn hóa, tín ngưỡng của các nước Đông Nam Á. <p>3. Thái độ: có tinh thần học hỏi, chịu khó... trong học tập.</p>		
21	Bài 16: Đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các nước Đông Nam Á có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao song chưa vững chắc. (HS tự học) 	Bảo vệ môi trường	

			<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá; phân bố các ngành sản xuất tập trung ở đồng bằng và ven biển. - Giải thích được những đặc điểm kinh tế của các nước Đông Nam Á. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bảng số liệu. - Đọc bản đồ kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp ...) <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.</p>		
22	Bài 17: Hiệp hội các nước Đông Nam Á	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày một số đặc điểm về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN): <ul style="list-style-type: none"> + Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á. + Mục tiêu hoạt động của Hiệp hội, những thành tựu trong kinh tế – xã hội của các nước trong Hiệp hội. + Những thuận lợi và khó khăn của Việt nam khi gia nhập Hiệp hội. <p>2. Kỹ năng:</p> <p>HS biết phân tích lược đồ, bảng số liệu, hình ảnh để nắm được sự ra đời và phát triển của hiệp hội các nước Đông Nam Á.</p> <p>3. Thái độ: HS thấy được những thành tựu mà VN đạt được cũng như những khó khăn thách thức mà VN phải vượt qua □ cố gắng học tập tốt.</p>		

23	Bài 18: Thực hành: Tìm hiểu Lao và Cam – pu- chia	1	<p>1. Kiến thức: Hiểu được vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và đặc điểm kinh tế của Lào và Campuchia.</p> <p>2. Kỹ năng: - Phân tích bản đồ, xác định vị trí địa lí, sự phân bố các đối tượng địa lí, nhận xét mối quan hệ giữa thành phần tự nhiên và phát triển kinh tế xã hội. - Phân tích bảng số liệu thống kê, tranh ảnh.</p> <p>3. Thái độ: có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ.</p>		- Mục 3,4: HS tự học
24	Bài 23: Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức: - HS nắm được tính toàn vẹn của lãnh thổ Việt Nam. - Hiểu được vị trí, giới hạn, diện tích, hình dạng vùng đất liền, vùng biển Việt Nam. - Hiểu được ý nghĩa của VTĐL, hình dạng lãnh thổ đối với môi trường tự nhiên và KT – XH.</p> <p>2. Kỹ năng: - Đọc bản đồ (xác định vị trí, tiếp giáp, các điểm cực, vùng biển, đảo và quần đảo ...) - Nhận xét bảng số liệu. - Xác lập mối quan hệ giữa vị trí, hình dạng ... với tự nhiên Việt Nam.</p> <p>3. Thái độ: Có ý thức và hành động bảo vệ, giữ gìn độc lập chủ quyền của đất nước.</p>		- Bài 19, 20, 21, 22: HS tự học.

25	Bài 24: Vùng biển Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các đặc điểm tự nhiên của Biển Đông (chế độ hải văn theo mùa: sóng, hải lưu, dòng biển, thủy triều...) - Nắm được các nguồn tài nguyên đa dạng của biển, một số thiên tai của biển và sự cần thiết bảo vệ môi trường vùng biển. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vùng biển VN. - Vẽ sơ đồ tài nguyên biển với kinh tế biển - Đọc bản đồ (xác định vùng biển VN, các đảo và quần đảo, eo biển, vùng biển tiếp giáp, nhận xét và giải thích 1 số vấn đề (nhiệt độ, dòng biển...)) <p>3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức về vùng biển chủ quyền Việt Nam. - Ý thức bảo vệ, đoàn kết, xây dựng vùng biển quê hương giàu đẹp. 	<p>Lồng ghép giáo dục an ninh quốc phòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những cơ sở pháp lý của nhà nước ta đề khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với biển Đông và hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. - Giới thiệu các mốc chủ quyền chủ yếu trên đất liền và biển, đảo. 	
26	Bài 26: Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được VN là một nước giàu TNKS, đây là nguồn lực quan trọng để công nghiệp hoá đất nước. - Nắm được mối quan hệ giữa khoáng sản với lịch sử phát triển. Giải thích được vì sao nước ta giàu tài nguyên khoáng sản. (HS tự học) - Bảo vệ và khai thác có hiệu quả, tiết kiệm nguồn khoáng sản quý giá của nước ta. <p>2. Kỹ năng:</p>	Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 25: HS tự học. - Bài 26: Mục 2: HS tự học; Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập: HS tự làm.

			<p>Đọc bản đồ khoáng sản VN, nhận xét sự phân bố các mỏ khoáng sản.</p> <p>3. Thái độ: Xây dựng ý thức tiết kiệm năng lượng, tính hiệu quả khi sử dụng TNKS và bảo vệ môi trường.</p>		
27	Bài 28: Đặc điểm địa hình Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích đặc điểm chung của địa hình Việt Nam: <ul style="list-style-type: none"> + Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình VN. + Địa hình được Tân Kiến Tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau. + Địa hình mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động của con người. - Nêu các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến địa hình VN (nội lực, ngoại lực và sự tác động của con người) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ địa hình (các dãy núi cao, hướng núi, sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng ...) <p>3. Thái độ: tình yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường, trồng cây xanh...</p>		- Bài 27: HS tự làm
28	Bài 29: Đặc điểm các khu vực địa hình	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được sự phân hóa đa dạng của địa hình nước ta. 		

			<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cấu trúc, đặc điểm, phân bố của các khu vực đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa Việt Nam. - So sánh giống và khác nhau giữa vùng núi Tây Bắc và Đông Bắc, Trường Sơn Bắc và vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam. <p>2. Kỹ năng: Đọc bản đồ, so sánh, xác định vùng núi, dãy núi, cao nguyên, các đồng bằng ...</p> <p>3. Thái độ: có hành động thiết thực trồng và bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan tự nhiên.</p>		
29	Bài 30: Thực hành: Đọc bản đồ địa hình	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố và hệ thống lại về kiến thức địa hình Việt Nam. - Nắm vững cấu trúc địa hình Việt Nam, sự phân hóa địa hình từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ địa hình. - Đọc lát cắt địa hình. <p>3. Thái độ: bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.</p>		-
30	Bài 31: Đặc điểm khí hậu Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được đặc điểm cơ bản và giải thích khí hậu VN: tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm, tính chất đa dạng và thất thường. - Nắm được những nhân tố hình thành khí hậu nước ta: vị trí địa lí, hoàn lưu gió mùa, địa hình (độ cao và hướng). 	Tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai	

			<ul style="list-style-type: none"> - Biết được những biểu hiện của biến đổi khí hậu; một số giải pháp ứng phó và giảm thiểu thiệt hại của biến đổi khí hậu. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ khí hậu Việt Nam (các loại gió, hướng di chuyển và tần xuất của bão) - Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa. - Phân tích bảng số liệu. <p>3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hành động cụ thể góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu. - Biết thông cảm, chia sẻ, giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt. 		
31	Bài 32: Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những nét đặc trưng về khí hậu và thời tiết của 2 mùa: mùa gió Đông Bắc và mùa gió Tây Nam. - Sự khác biệt về khí hậu và thời tiết 3 miền: Bắc, Trung, Nam Bộ, đại diện cho 3 trạm: Hà Nội, Huế, TP.HCM - Nêu được những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại cho sản xuất và đời sống của nhân dân ta. (HS tự học) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ khí hậu. - Nhận xét bảng số liệu. <p>3. Thái độ:</p>	- Tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai	

			<ul style="list-style-type: none"> - Có hành động cụ thể góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu. - Biết thông cảm, chia sẻ, giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt. 		
32	Bài 33: Đặc điểm sông ngòi Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích những đặc điểm của sông ngòi VN: + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp cả nước. + Có 2 hướng chính: TB-ĐN và vòng cung. + Có 2 mùa nước: mùa lũ và mùa cạn. + Có lượng phù sa lớn. - Nắm được mối quan hệ của sông ngòi nước ta với các nhân tố tự nhiên và xã hội (địa chất, địa hình, khí hậu...) - Nắm được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với sản xuất và sinh hoạt; sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ sông ngòi VN (xác định các hệ thống sông, các sông lớn, hướng sông, các hồ ...) - Phân tích bảng số liệu. - Vẽ biểu đồ lưu lượng. <p>3. Thái độ: Có hành động cụ thể bảo vệ các dòng sông để phát triển một cách bền vững.</p>	Tích hợp bảo vệ môi trường (nước)	
33	Bài 34: Các hệ thống sông lớn ở nước ta	1	<p>1. Kiến thức</p>		

			<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vị trí, tên gọi chín hệ thống sông lớn ở nước ta. - Nắm được đặc điểm và giải thích sự khác nhau về chế độ nước, mùa lũ của 3 vùng: Bắc, Trung và Nam Bộ. - Một số hiểu biết về khai thác các nguồn lợi sông ngòi và giải pháp phòng chống lũ lụt ở nước ta. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ sông ngòi. - Phân tích bảng số liệu. <p>3. Thái độ: Có hành động bảo vệ môi trường nước.</p>		
34	ÔN TẬP KIỂM TRA	1	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống lại những kiến thức về Đông Nam Á và Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về Đông Nam Á: vị trí địa lí, tự nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội, đặc điểm dân cư, hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) - Về Việt Nam: vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ, vùng biển Việt Nam, tài nguyên khoáng sản, địa hình, khí hậu, sông ngòi Việt Nam. <p>2. Kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng đọc bản đồ, biểu đồ, xác định vị trí địa lí. - Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ và nhận xét. - Nhận xét bảng số liệu, giải thích, chứng minh. <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>		

35	KIỂM TRA GIỮA HKII	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh, kỹ năng phân tích lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ. - HS tự đánh giá lại tình hình học tập của bản thân. GV đánh giá chất lượng giảng dạy của mình và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp. - Cùng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS. - Kiểm tra ở 4 cấp độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. - Hình thức: tự luận. 		
34	Bài 35: Thực hành: Khí hậu và thủy văn Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng cố và hệ thống kiến thức về khí hậu, thủy văn Việt Nam. - Xác định được mối quan hệ nhân quả giữa khí hậu (mùa mưa, mùa khô) và thủy văn (mùa lũ, mùa cạn) trên các con sông nước ta. <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Rèn luyện kỹ năng vẽ và phân tích biểu đồ kết hợp (cột và đường), phân tích và xử lý bảng số liệu về khí hậu và thủy văn VN.</p> <p>3. Thái độ: giúp đỡ đồng bào lũ lụt...</p>		
37	Bài 36: Đặc điểm đất Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích đặc điểm chung của đất Việt Nam. - Nắm được đặc điểm, sự phân bố và giá trị kinh tế các nhóm đất chính của nước ta. 		

			<p>- Biết sử dụng hợp lí tài nguyên đất vì đây là tài nguyên quý báu và có hạn. Nêu 1 số biện pháp ngăn ngừa tình trạng đất bị thoái hóa, phủ xanh đất trống đồi trọc. (HS tự học)</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ Đất (Xác định sự phân bố các nhóm đất).</p> <p>- Kỹ năng vẽ biểu đồ tròn (các nhóm đất chính) và nhận xét.</p> <p>- Phân tích lát cắt địa hình – thổ nhưỡng.</p> <p>3. Thái độ: có hành động bảo vệ tài nguyên đất, rừng.</p>		
38	Bài 37: Đặc điểm sinh vật Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Trình bày và giải thích đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam</p> <p>- Nắm được sự đa dạng, phong phú của sinh vật nước ta.</p> <p>- Giải thích được nguyên nhân tạo nên sự đa dạng sinh học của nước ta.</p> <p>- Trình bày sự suy giảm và biến dạng của các loài và hệ sinh thái tự nhiên, sự phát triển của hệ sinh thái nhân tạo.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ (xác định 1 số vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển)</p> <p>- Quan sát ảnh, nhận xét.</p>		

			3. Thái độ: có hành động cụ thể bảo vệ tài nguyên sinh vật nước ta.		
39	Bài 38: Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam	1	1. Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được giá trị to lớn của tài nguyên sinh vật. - Nắm được thực trạng số lượng và chất lượng nguồn tài nguyên sinh vật. 2. Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ. - Phân tích bảng số liệu. - Quan sát tranh ảnh. - Kỹ năng tính toán, vẽ biểu đồ cột (diện tích rừng) và nhận xét. 3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ, giữ gìn nguồn tài nguyên sinh vật.		
40	Bài 40: Thực hành: Đọc lát cắt địa lí tự nhiên tổng hợp	1	1. Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cấu trúc đứng và cấu trúc ngang của một lát cắt tổng hợp địa lí tự nhiên. - Phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần tự nhiên: địa chất, địa hình, khí hậu, thực vật... - Nắm được sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên theo một tuyến cắt cụ thể dọc Hoàng Liên Sơn từ Lào Cai đến Thanh Hoá. 2. Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc Lát cắt tổng hợp. - Phân tích bảng số liệu (nhiệt độ và lượng mưa) 		- Bài 39: HS tự học

			<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tính toán (độ dài lát cắt) - Xác lập được mối quan hệ giữa các thành phần. 		
41	Bài 41: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	1	<p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vị trí, phạm vi lãnh thổ của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ trên bản đồ. - Nêu và giải thích đặc điểm tự nhiên nổi bật: <ul style="list-style-type: none"> + Địa hình đồi núi thấp, nổi bật với các dãy núi hình cánh cung. + Có mùa đông lạnh và kéo dài. + Tài nguyên phong phú, đa dạng (khoáng sản, rừng, du lịch...) - Những khó khăn do thiên nhiên và vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường. (HS tự học) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ. - Phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa. <p>3. Thái độ: bảo vệ tài nguyên thiên nhiên: rừng, khoáng sản, biển ...</p>	Bảo vệ môi trường.	
42	Bài 42: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vị trí, phạm vi lãnh thổ của miền TB và BTB. - Trình bày và giải thích những đặc điểm tự nhiên nổi bật của miền về địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên phong phú cũng như những hạn chế về mặt tự nhiên. 	Bảo vệ môi trường	

			<p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ. - Phân tích biểu đồ lượng mưa. - Kỹ năng phân tích mối liên hệ biện chứng giữa các thành phần tự nhiên trong miền TB và BTB. <p>3. Thái độ: có hành động bảo vệ tài nguyên rừng ...</p>		
43	Bài 43: Miền Nam Trung Bộ và Nam bộ	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vị trí, phạm vi lãnh thổ của miền NTB và Nam Bộ, bao gồm toàn bộ lãnh thổ phía Nam nước ta từ Đà Nẵng tới Cà Mau kể cả phân hải đảo bao quanh. - Trình bày và giải thích những đặc điểm tự nhiên nổi bật của miền về địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên phong phú cũng như những hạn chế về mặt tự nhiên. - So sánh ba miền tự nhiên theo các đặc điểm: Địa chất – địa hình, khí hậu – thủy văn; Đất – sinh vật; Bảo vệ môi trường. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ - Lập bảng so sánh - Kỹ năng phân tích bản đồ, xác lập các mối liên hệ địa lí. <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường.</p>	Bảo vệ môi trường	
44	So sánh 3 miền tự nhiên	1	So sánh 3 miền tự nhiên: vị trí, địa hình, khí hậu, sông ngòi, tài nguyên, động thực vật.		
45	ÔN TẬP	1			

			<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức: về vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam, vùng biển, khoáng sản, địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật Việt Nam.</p> <p>2. Rèn luyện kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng đọc bản đồ (xác định vị trí, khoáng sản, khí hậu, địa hình, sông ngòi, sinh vật ...) - Kỹ năng tính toán, vẽ biểu đồ và nhận xét. - Nhận xét bảng số liệu, giải thích, chứng minh. <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>		
46	ÔN TẬP	1			
47	KIỂM TRA CUỐI HKII	1	- Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh, kỹ năng phân tích lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ.		
48	KIỂM TRA CUỐI HKII	1	- HS tự đánh giá lại tình hình học tập của bản thân. GV đánh giá chất lượng giảng dạy của mình và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp.		
49	KIỂM TRA CUỐI HKII		- Củng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS.		
50	KIỂM TRA CUỐI HKII		- Kiểm tra ở 4 cấp độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. - Hình thức: tự luận.		
51	SỬA BÀI KIỂM TRA	1	- Học sinh tự đánh giá năng lực học tập của mình. - Rút kinh nghiệm cho những bài kiểm tra sau.		
52	Địa lý địa phương	1	Địa lý Thành phố Hồ Chí Minh. - Nắm được vị trí giới hạn TPHCM.		

53	Địa lý địa phương	1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày điều kiện tự nhiên TPHCM (địa hình, đất, khí hậu, sông ngòi, thực vật ...) - Kỹ năng: sưu tầm tư liệu, tổng hợp, thuyết trình. - Thái độ: có ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường ... 		
54	Rèn luyện kỹ năng – Hoàn tất chương trình.	1	Biết tính mật độ dân số, vẽ biểu đồ cột, tròn; Nhận xét bảng số liệu		

KHỐI 9:

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/ lồng ghép (4)	Nội dung điều chỉnh theo VB 3280/ BGDDT - GDTrH
1	Bài 1: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	1	1. Kiến thức - Nắm được đặc điểm các dân tộc (số lượng, ngữ hệ, ngôn ngữ, trang phục, phong tục tập quán) - Các dân tộc có trình độ phát triển kinh tế khác nhau. - Các dân tộc của nước ta luôn đoàn kết bên nhau trong quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc. - Trình bày tình hình phân bố các dân tộc ở nước ta 2. Kỹ năng : - Xác định vùng phân bố chủ yếu của một số dân tộc. - Phân tích biểu đồ tròn, nhận xét bảng số liệu. - Quan sát một số hình ảnh. 3. Thái độ: giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tôn trọng, đoàn kết các dân tộc.		
2	Bài 2: Dân số và gia tăng dân số	1	1. Kiến thức - Nắm được đặc điểm dân số của nước ta. (đông dân, tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ và có xu hướng già đi) - Trình bày được tình hình gia tăng dân số, nguyên nhân và hậu quả.	Tích hợp giáo dục dân số	

			<p>- Nắm được sự thay đổi cơ cấu dân số và nguyên nhân sự thay đổi.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Phân tích bảng số liệu.</p> <p>- Phân tích biểu đồ dân số.</p> <p>3. Thái độ: Ý thức chấp hành chính sách dân số của Nhà nước.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành:</p> <p>Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư giai đoạn 1999 - 2019.</p> <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p><i>Dạy bổ sung thêm vào mục III SGK Địa lí 9 hiện hành</i></p>		
3	Bài 3: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Hiểu và trình bày đặc điểm mật độ dân số (cao và tăng nhanh) và phân bố dân cư của nước ta (không đều...)</p> <p>- Nắm được đặc điểm của các loại hình quần cư nông thôn và quần cư thành thị. (HS tự học)</p> <p>- Quá trình đô thị hóa ở nước ta.</p> <p>2. Kỹ năng :</p> <p>- Phân tích lược đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam. (đọc tên các vùng đông dân, các đô thị đặc biệt và loại I)</p>		

			<p>- Phân tích bảng số liệu về mật độ dân số của các vùng, số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta.</p> <p>3. Thái độ: HS ý thức được sự cần thiết phải phát triển đô thị hóa trên cơ sở phát triển công nghiệp, bảo vệ môi trường và chấp hành các chính sách của nhà nước về phân bố dân cư.</p>		
4	Bài 4: Lao động, việc làm và chất lượng cuộc sống	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta. - Nắm được sức ép dân số đối với giải quyết việc làm và nêu biện pháp. - Trình bày chất lượng cuộc sống và việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu lao động phân theo thành thị, nông thôn, theo đào tạo; cơ cấu sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế. - Xác lập mối quan hệ giữa dân số, lao động, việc làm và chất lượng cuộc sống <p>3. Thái độ: tinh thần tự học, cố gắng trong học tập.</p>	Tích hợp giáo dục hướng nghiệp.	
5	Bài 5: Thực hành: Phân tích và so sánh tháp dân số	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được sự thay đổi và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta. - Nắm được nguyên nhân, hậu quả và biện pháp khắc phục. (HS tự học) 		

			<p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích và so sánh tháp tuổi dân số. - Xác lập được mối quan hệ giữa gia tăng dân số với cơ cấu dân số theo độ tuổi, giữa dân số và phát triển kinh tế xã hội đất nước. <p>3. Thái độ: thấy được tầm quan trọng của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số và thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình.</p>		
6	Bài 6: Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ và theo thành phần kinh tế. - Nắm được những thành tựu và khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê. - Đọc bản đồ, lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm. - Đọc bản đồ kinh tế chung. <p>3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức học tập tốt trong công cuộc đổi mới phát triển đất nước. - Có ý thức bảo vệ môi trường. 		- Mục I. Nền kinh tế nước ta trước thời kì đổi mới: HS tự học
7	Bài 7: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự	1	<p>1. Kiến thức:</p>		

	phát triển và phân bố ngành nông nghiệp		<p>Nắm được vai trò của các nhân tố tự nhiên (đất, khí hậu, nước, sinh vật) và kinh tế xã hội (lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, chính sách, thị trường tiêu thụ) ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đánh giá những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp. - Biết sơ đồ hóa các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Liên hệ được với thực tiễn địa phương. <p>3. Thái độ: Biết quý trọng, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sử dụng hợp lý và phát huy tối đa nguồn lợi.</p>		
8	Bài 8: Sự phát triển và phân phối ngành nông nghiệp.	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cơ cấu và xu hướng thay đổi cơ cấu của ngành trồng trọt. - Nắm được và giải thích đặc điểm phát triển và phân bố cây trồng, vật nuôi chủ yếu. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bảng số liệu. - Phân tích sơ đồ ma trận và phân bố các cây công nghiệp chủ yếu theo các vùng. - Đọc bản đồ nông nghiệp Việt Nam 		

			<p>- Xác lập mối quan hệ giữa các nhân tố tự nhiên, kinh tế và xã hội với sự phát triển và phân bố nông nghiệp</p> <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ môi trường.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p><i>Dạy bổ sung vào bài 8 - SGK Địa lí 9 hiện hành</i></p>		
9	Bài 9: Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được tình hình tài nguyên rừng, vai trò, cơ cấu các loại rừng và khu vực phân bố chủ yếu. - Nắm được điều kiện phát triển ngành thủy sản (tự nhiên và KT-XH) và tình hình phát triển, phân bố ngành thủy sản. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bảng số liệu, tính toán. - Đọc bản đồ, lược đồ. <p>3. Thái độ: Có hành động cụ thể bảo vệ rừng và môi trường biển.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành :</p> <p>Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.</p>		<p>- Câu 3 phần câu hỏi và bài tập: thay đổi yêu cầu thành vẽ biểu đồ hình cột</p>

			<p>Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 9, mục I.1; II.1 - SGK Địa lí 9 hiện hành</p>		
10	<p>Bài 10: Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi diện tích gieo trồng các nhóm cây ...</p>	1	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức về ngành nông nghiệp (sự thay đổi cơ cấu diện tích treo trồng phân theo các loại cây, sự tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm)</p> <p>2. Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng xử lý bảng số liệu theo các yêu cầu riêng của vẽ biểu đồ - Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu (HS tự học) và kỹ năng vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng. - Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu biểu đồ, rút ra nhận xét và giải thích</p>		
11	<p>Bài 11: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp</p>	1	<p>1. Kiến thức: - Nắm được vai trò của các nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội đối với sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta. - Nắm được lựa chọn cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ công nghiệp phù hợp phải xuất phát từ việc đánh giá đúng tác động của các nhân tố này.</p> <p>2. Kỹ năng: - Kỹ năng sơ đồ hóa các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Đọc bản đồ khoáng sản, công nghiệp.</p>		

			<p>- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích một hiện tượng địa lí kinh tế.</p> <p>3. Thái độ: có hành động cụ thể tiết kiệm năng lượng.</p>		
12	Bài 12: Sự phát triển và phân bố công nghiệp	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được một số ngành CN chủ yếu (CN trọng điểm) ở nước ta và một số trung tâm CN chính. - HS nắm được 2 khu vực tập trung CN lớn nhất nước ta là đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ. - HS nắm được 2 trung tâm CN lớn nhất cả nước là TP.HCM và Hà Nội các ngành CN chủ yếu tập trung ở 2 trung tâm này. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích biểu đồ. - Đọc bản đồ (nhà máy nhiệt điện và các mỏ than, dầu khí, các trung tâm CN, các ngành của các trung tâm CN) - Phân tích mối quan hệ giữa phân bố tài nguyên thiên nhiên với các ngành sản xuất công nghiệp. <p>3. Thái độ: Ý thức học tập tốt, định hướng hướng nghiệp.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành :</p> <p>Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.</p> <p>Phần sẽ được bổ sung:</p>	Tích hợp giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	<p>- Mục II. Các ngành CN trọng điểm; phần 3: Một số ngành CN nặng khác: HS tự học.</p> <p>- Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập: HS tự học</p>

			Dạy bổ sung vào bài 12, mục I - SGK Địa lí 9 hiện hành		
13	Bài 13: Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố dịch vụ	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được ngành dịch vụ ở nước ta có cơ cấu rất phức tạp và ngày càng đa dạng hơn. - Nắm được vai trò ngành dịch vụ (có ý nghĩa ngày càng tăng trong việc đảm bảo sự phát triển của ngành kinh tế khác, trong hoạt động của đời sống xã hội và tạo việc làm cho nhân dân, đóng góp vào thu nhập quốc dân); đặc điểm và giải thích sự phân bố ngành dịch vụ. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ, quan sát hình ảnh. - Vẽ sơ đồ. <p>3. Thái độ: Có ý thức học tập tốt, định hướng hướng nghiệp.</p>		
14	Bài 14: Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	1	<p>. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vai trò, cơ cấu ngành GTVT, mạng lưới phân bố và các đầu mối giao thông vận tải chính của nước ta, cũng như những bước tiến mới trong hoạt động GTVT. - Nắm được cơ cấu, vai trò và các thành tựu to lớn của ngành BCVT, tác động của những bước tiến này đến đời sống KT-XH của đất nước. (HS tự học) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng đọc và phân tích bản đồ GTVT của nước ta 	<p>Lồng ghép giáo dục an ninh quốc phòng: Ví dụ về giao thông vận tải và bưu chính viễn thông gắn với an ninh và quốc phòng.</p> <p>Giáo dục an toàn giao thông.</p>	

			<p>- Rèn kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa sự phân bố mạng lưới GTVT với sự phân bố các ngành kinh tế khác.</p> <p>3. Thái độ: Văn hoá khi tham gia giao thông, sử dụng internet trong học tập, ...</p>		
15	Bài 15: Thương mại và du lịch	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cơ cấu của ngành thương mại (nội thương và ngoại thương) và vai trò. - Trình bày tình hình phát triển và phân bố của hoạt động nội thương. Giải thích tại sao Hà Nội và TP.HCM là các trung tâm thương mại, du lịch lớn nhất cả nước. - Trình bày tình hình, cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu và các thị trường chủ yếu của Việt Nam. - Chứng minh tài nguyên du lịch nước ta phong phú và đa dạng. Cho ví dụ cụ thể. Trình bày được tình hình phát triển và các trung tâm du lịch quan trọng. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng đọc và phân tích các biểu đồ - Rèn kỹ năng đọc bản đồ. - Rèn kỹ năng phân tích bảng số liệu. - Đọc bản đồ thương mại và du lịch. (Xác định các trung tâm thương mại, các thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu, các di sản thế giới (tự nhiên, nhân văn) và các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia. <p>3. Thái độ:</p>	Tích hợp dạy học di sản.	

			<ul style="list-style-type: none"> - Yêu quê hương, đất nước, có ý thức gìn giữ, bảo vệ di sản, các giá trị thiên nhiên, di tích lịch sử. - Có ý thức học tập tốt, định hướng nghề nghiệp. <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành :</p> <p>Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.</p> <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p><i>Dạy bổ sung vào bài 15 –phần I.2 và II.2 SGK Địa lí 9 hiện hành.</i></p>		
16	Bài 16: Thực hành: Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>Củng cố và hệ thống về cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ miền - Rèn luyện kỹ năng nhận xét biểu đồ. 		
17	ÔN TẬP KIỂM TRA	1	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa lí dân cư Việt Nam (dân tộc, số dân và gia tăng dân số, cơ cấu dân số, mật độ dân số và phân bố dân cư, đô thị hoá, nguồn lao động và sử dụng lao động, vấn đề việc làm, phân tích tháp tuổi.) - Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. - Đặc điểm phát triển và phân bố ngành: nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ ... 		

			<p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phân tích biểu đồ gia tăng dân số, sự phân bố dân cư, bảng số liệu, tháp tuổi. - Kỹ năng vẽ các loại biểu đồ (cột, đường) và nhận xét. - Đọc bản đồ (xác định cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, trung tâm CN, ngành CN, giao thông, tài nguyên du lịch...) <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>		
18	KIỂM TRA GIỮA HKI	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh, kỹ năng phân tích lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ. - HS tự đánh giá lại tình hình học tập của bản thân. GV đánh giá chất lượng giảng dạy của mình và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp. - củng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS. - Kiểm tra ở 2 cấp độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu. - Hình thức: tự luận. 		
19	Bài 17: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được ý nghĩa vị trí địa lí, thế mạnh và khó khăn của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và dân cư, xã hội của vùng - Nắm được sự khác biệt giữa hai tiểu vùng Tây Bắc và Đông Bắc, đánh giá trình độ phát triển giữa 2 tiểu 	Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.	

			<p>vùng và tầm quan trọng của các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ (Xác định ranh giới của vùng, vị trí một số tài nguyên thiên nhiên quan trọng ...) - Phân tích bảng số liệu <p>3. Thái độ: có tinh thần tương thân, tương ái, ý thức bảo vệ môi trường.</p>		
20	Bài 18: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>Nắm được tình hình phát triển kinh tế của vùng theo các ngành công nghiệp (CN khai thác khoáng sản, CN điện), nông nghiệp (trồng chè, rau quả ôn đới, chăn nuôi trâu bò), dịch vụ cùng một số vấn đề trọng tâm và giải thích.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Đọc bản đồ (xác định vùng trồng chè, chăn nuôi, các khoáng sản, ngành công nghiệp, trung tâm công nghiệp, các tuyến giao thông, cửa khẩu ...)</p> <p>3. Thái độ: có hành động cụ thể bảo vệ môi trường.</p>		
21	Bài 20: Vùng đồng bằng Sông Hồng	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các đặc điểm cơ bản của vùng: vị trí, giới hạn, ý nghĩa, thế mạnh và khó khăn của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư và xã hội. - Giải thích một số đặc điểm của vùng như đông dân, nông nghiệp thâm canh, cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội phát triển ... 		- Bài 19: HS tự làm

			<p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng đọc bản đồ (xác định VTĐL, giới hạn lãnh thổ, vị trí một số tài nguyên ...) - Nhận xét bảng số liệu. <p>3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức bảo vệ di sản - Thực hiện hình sách dân số. <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p>Đạy bổ sung vào bài 20, mục III - SGK Địa 9, hiện hành</p>		
22	Bài 21: Vùng đồng bằng Sông Hồng (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được tình hình phát triển kinh tế ở đồng bằng sông Hồng: trong cơ cấu GDP nông nghiệp vẫn còn chiếm tỉ trọng cao, nhưng công nghiệp và dịch vụ đang chuyển biến tích cực - Nắm được vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc: vị trí, vai trò tác động mạnh đến sản xuất và đời sống dân cư. Các thành phố Hà Nội, Hải Phòng là hai trung tâm kinh tế lớn và quan trọng của đồng bằng sông Hồng. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích biểu đồ, nhận xét bảng số liệu. 		

			<p>- Đọc bản đồ (khoáng sản, các trung tâm CN, các ngành CN, cây trồng, vật nuôi, các tuyến đường giao thông, đường sắt, sân bay, các di sản, cảnh đẹp .. xác định vùng kinh tế trọng điểm ...)</p> <p>3. Thái độ: yêu quê hương đất nước, bảo vệ và giữ gìn di sản.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành :</p> <p>– Suu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.</p> <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p>Đạy bổ sung vào bài 21, mục V - SGK Địa 9, hiện hành</p>		
23	Bài 22: Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa sản lượng lương thực, bình quân lương thực trên đầu người	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Củng cố và hệ thống kiến thức về ngành nông nghiệp. (thuận lợi và khó khăn trong sản xuất lương thực, vai trò của vụ đông)</p> <p>- Phân tích mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người (là vùng đất chật người đông) (Học sinh tự học)</p> <p>- Một số giải pháp để nâng cao sản lượng, năng xuất. (thâm canh tăng vụ)</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ và nhận xét.</p> <p>3. Thái độ: hạn chế gia tăng dân số.</p>	Tích hợp giáo dục dân số.	
24	Bài 23: Vùng Bắc Trung Bộ	1	1. Kiến thức:	Tích hợp phòng chống thiên tai	

		<p>- Nắm được đặc điểm vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ, thuận lợi và khó khăn điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên. (đặc điểm dân cư, xã hội của vùng và giải thích – HS tự học)</p> <p>- Trình bày được những khó khăn do thiên tai, hậu quả chiến tranh, các biện pháp cần khắc phục và triển vọng phát triển kinh tế của vùng trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu.</p> <p>- Đọc bản đồ (xác định vị trí, địa hình, khoáng sản, bãi tắm, vườn quốc gia ...)</p> <p>- Vận dụng tính tương phản không gian lãnh thổ theo hướng Bắc Nam, Đông Tây trong phân tích một số vấn đề tự nhiên, dân cư, xã hội của vùng.</p> <p>3. Thái độ: Yêu quê hương đất nước, có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ; có ý thức bảo vệ và giữ gìn các di sản.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành</p> <p>– Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.</p> <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p><i>Dạy bổ sung vào bài 23, mục II – SGK Địa lí 9 hiện hành).</i></p>	<p>ở vùng Bắc Trung Bộ.</p>	
--	--	---	------------------------------------	--

25	Bài 24: Vùng Bắc Trung Bộ (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được so với các vùng kinh tế trong nước, Bắc Trung Bộ tuy còn nhiều khó khăn nhưng đang đứng trước triển vọng lớn. - Nắm được đặc điểm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các trung tâm kinh tế lớn. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ (cây trồng vật nuôi, khoáng sản, các trung tâm CN, các ngành CN, các di sản thế giới, cảnh đẹp, các tuyến đường giao thông, cảng biển, sân bay ...) - Nhận xét biểu đồ. - Nắm vững phương pháp nghiên cứu sự tương phản lãnh thổ trong nghiên cứu một số vấn đề kinh tế ở Bắc Trung Bộ. - Suu tầm tư liệu theo chủ đề. <p>3. Thái độ: yêu quê hương đất nước, có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng bào; có ý thức bảo vệ và giữ gìn các di sản.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p><i>Dạy bổ sung vào bài 24, mục IV.3 – SGK Địa lí 9 hiện hành).</i></p>		
----	---------------------------------------	---	---	--	--

26	Bài 25: Vùng duyên hải Nam Trung Bộ	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vị trí, giới hạn của vùng, nêu ý nghĩa của vị trí địa lý (quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). - Nắm được những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. (đặc điểm về dân cư, xã hội và giải thích – HS tự học) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ (xác định vị trí, các đảo và quần đảo, địa hình, khoáng sản, bãi tắm, vườn quốc gia ...) - Nhận xét bảng số liệu. - Nắm vững phương pháp so sánh sự tương phản lãnh thổ trong nghiên cứu. <p>3. Thái độ: yêu thương đồng bào, dân tộc, bảo vệ môi trường</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành</p> <p>– Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận</p> <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p><i>Dạy bổ sung vào bài 25, mục II - SGK Địa lí 9 hiện hành.</i></p>	Tích hợp giáo dục an ninh quốc phòng.	
27	Bài 26: Vùng duyên hải	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng lớn về kinh tế biển, phát triển du lịch. 		

	Nam Trung Bộ (tt)		<p>- Vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung tác động mạnh mẽ tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế ở duyên hải Nam Trung Bộ.</p> <p>- Giải thích một số vấn đề quan tâm của duyên hải Nam Trung Bộ.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ (cây trồng vật nuôi, khoáng sản, các trung tâm CN, các ngành CN, các di sản thế giới, cảnh đẹp, các tuyến đường giao thông, cảng biển, sân bay, vùng kinh tế trọng điểm)</p> <p>- Nhận xét bảng số liệu.</p> <p>- Vẽ biểu đồ cột và nhận xét.</p> <p>3. Thái độ: yêu thương đồng bào, dân tộc, bảo vệ môi trường</p>		
28	Bài 27: Thực hành: Kinh tế biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Củng cố sự hiểu biết về cơ cấu kinh tế biển của 2 vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ (gọi chung là Duyên hải miền Trung) bao gồm các hoạt động của các hải cảng, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, nghề muối, chế biến thủy sản xuất khẩu, du lịch.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ (bãi tắm, cảng biển, thủy sản, sản xuất muối ...)</p> <p>- Vẽ sơ đồ các ngành kinh tế biển.</p> <p>- Nhận xét bảng số liệu và giải thích.</p>		

			3. Thái độ: có hành động bảo vệ môi trường biển và bảo vệ chủ quyền biển đảo.		
29	ÔN TẬP	1	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức: về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và sự phát triển nông lâm thủy sản, công nghiệp và dịch vụ của 4 vùng kinh tế: Trung du và miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ; Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và miền Trung.</p> <p>2. Rèn luyện kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng vẽ biểu đồ và nhận xét, tính toán ... - Nhận xét bảng số liệu. - Đọc bản đồ. 		
30	KIỂM TRA CUỐI HKI	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh, kỹ năng phân tích lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ. - HS tự đánh giá lại tình hình học tập của bản thân. GV đánh giá chất lượng giảng dạy của mình và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp. - Củng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS. - Kiểm tra ở 2 cấp độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu. - Hình thức: tự luận. 		
31	Bài 28: Vùng Tây Nguyên	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được Tây Nguyên có vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển Kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng đồng thời là khu vực có nhiều tiềm năng về 		

			<p>tài nguyên thiên nhiên và nhân văn để phát triển kinh tế xã hội, hàng hóa nông sản xuất khẩu lớn của cả nước sau đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>- Giải thích một số vấn đề về tự nhiên và kinh tế xã hội của vùng. (HS tự học)</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ (xác định vị trí, khoáng sản, các cao nguyên, vườn quốc gia, cảnh đẹp ...)</p> <p>- Phân tích, nhận xét bảng số liệu.</p> <p>3. Thái độ: có tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ đồng bào.</p>		
32	Bài 29: Vùng Tây Nguyên (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Nắm được vùng Tây Nguyên phát triển khá toàn diện về kinh tế xã hội; Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Nông nghiệp, lâm nghiệp có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa. Tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng dần.</p> <p>- Nhận biết vai trò trung tâm kinh tế vùng của một số thành phố như: Plây – Ku, Buôn Ma Thuật, Đà Lạt.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Đọc bản đồ (cây trồng vật nuôi, nhà máy thủy điện, các trung tâm CN, các ngành CN, các cảnh đẹp, vườn quốc gia ...)</p> <p>- Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu.</p> <p>3. Thái độ: yêu thiên nhiên, có hành động bảo vệ môi trường.</p>		

33	Bài 30: Thực hành: So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên	1	<p>1. Kiến thức: So sánh và phân tích tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở 2 vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên: về đặc điểm, những thuận lợi và khó khăn, các giải pháp phát triển bền vững.</p> <p>2. Kỹ năng: - Đọc bản đồ. - Nhận xét bảng số liệu. - Suu tầm tư liệu, có kỹ năng viết và trình bày văn bản.</p>		
34	Bài 31: Vùng Đông Nam Bộ	1	<p>1. Kiến thức: - Nắm được Đông Nam Bộ là vùng phát triển kinh tế rất năng động. Đó là kết quả khai thác tổng hợp lợi thế vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trên đất liền, trên biển, cũng như đặc điểm dân cư, xã hội. - Giải thích 1 số đặc điểm tự nhiên, kinh tế – xã hội của vùng, đô thị hoá ...</p> <p>2. Kỹ năng: - Nhận xét bảng số liệu. - Đọc bản đồ (xác định vị trí, địa hình, đất, khoáng sản, vườn quốc gia, bãi tắm ...)</p> <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng.</p>		
35	Bài 32: Vùng Đông Nam Bộ (tt)	1	<p>1. Kiến thức: - Nắm được vùng Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu kinh tế phát triển nhất cả nước. Công nghiệp và dịch</p>		

			<p>vụ chiếm tỉ trọng cao trong GDP. Ngành sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được một số khó khăn hạn chế của vùng. - Hiểu được một số khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp tiên tiến như khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bảng số liệu - Đọc bản đồ (các cây trồng vật nuôi, các trung tâm CN, các ngành CN, nhà máy thủy điện, nhiệt điện) <p>3. Thái độ: giới thiệu, định hướng nghề nghiệp, giúp học sinh xây dựng động cơ học tập tốt; có hành động bảo vệ môi trường sống ...</p>		
36	Bài 33: Vùng Đông Nam Bộ (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được dịch vụ là lĩnh vực kinh tế phát triển mạnh và đa dạng, sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội, góp phần thúc đẩy sản xuất và giải quyết việc làm. <ul style="list-style-type: none"> + TPHCM là đầu mối GTVT quan trọng của các tỉnh phía Nam và cả nước. + Vùng thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều nhất. + Dẫn đầu cả nước về hoạt động xuất nhập khẩu. + TPHCM là trung tâm du lịch lớn nhất nước. 		

			<p>- Nắm được vị trí, vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. (có tầm quan trọng đặc biệt đối với Đông Nam Bộ và cả nước)</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Nhận xét bảng số liệu, biểu đồ.</p> <p>- Đọc bản đồ (các tuyến đường ô tô, cảng biển, tuyến đường sắt, sân bay, các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, xác định vùng kinh tế trọng điểm...)</p> <p>3. Thái độ: bảo tồn, giữ gìn các di tích lịch sử; có ý thức phát triển bền vững, định hướng nghề nghiệp.</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành</p> <p>– Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Phần sẽ được bổ sung:</p> <p>Dạy bổ sung vào bài 33 mục V - SGK Địa lí 9 hiện hành</p>		
37	Bài 35: Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Nắm được các điều kiện thuận lợi: vị trí địa lí, những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư xã hội của vùng trong việc phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long.</p> <p>- Làm quen với khái niệm chủ động chung sống với lũ và khai thác lợi thế từ lũ.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Nhận xét bảng số liệu.</p>	Tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai.	- Bài 34: HS tự học

			<p>- Đọc bản đồ (xác định vị trí, khoáng sản, đất, sông, bãi tắm, vườn quốc gia, biển, đảo ...)</p> <p>3. Thái độ: có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên</p> <p>Nội dung cần bổ sung vào chương trình hiện hành</p> <p>– Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.</p> <p>Phần sẽ được bổ sung: (Dạy bổ sung vào bài 35, mục II- SGK Địa lí 9 hiện hành).</p>		
38	Bài 36: Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Nắm được vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời là vùng xuất khẩu nông sản hàng đầu cả nước.</p> <p>- Nắm được tỉ trọng sản xuất công nghiệp còn thấp, ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm chiếm tỉ trọng cao nhất (65%) và giải thích.</p> <p>- Nắm được dịch vụ phát triển: hoạt động xuất nhập khẩu, giao thông vận tải thủy, du lịch...</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>- Nhận xét bảng số liệu.</p> <p>- Đọc bản đồ (xác định cây trồng vật nuôi, các trung tâm CN, các ngành CN, các thắng cảnh đẹp ...)</p> <p>- Kỹ năng tính toán.</p>		

			3. Thái độ: giáo dục tình yêu quê hương đất nước, có ý thức bảo vệ môi trường, có hành động đối với biến đổi khí hậu.		
39	Bài 37: Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình sản xuất ngành thủy sản	1	1. Kiến thức: - Nắm được điều kiện thuận lợi và khó khăn của vùng trong việc phát triển thủy sản. - Nắm được tình hình phát triển thủy sản của vùng. 2. Kỹ năng: - Xử lí số liệu thống kê. - Vẽ biểu đồ và nhận xét. 3. Thái độ: có ý thức bảo vệ môi trường, đặc biệt môi trường nước.		
40	ÔN TẬP KIỂM TRA	1	1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức về Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long: - Về vị trí địa lí vùng, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư xã hội của vùng □ từ đó nắm được những thuận lợi, khó khăn của vùng trong việc phát triển kinh tế và giải thích một số vấn đề. - Về tình hình phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. 2. Kỹ năng: - Đọc bản đồ. - Phân tích bảng số liệu, thống kê, giải thích, chứng minh ... - Vẽ biểu đồ và nhận xét, tính toán. 3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.		

41	KIỂM TRA GIỮA HKII	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh, kỹ năng phân tích lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ. - HS tự đánh giá lại tình hình học tập của bản thân. GV đánh giá chất lượng giảng dạy của mình và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp. - Củng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS. - Kiểm tra ở 4 cấp độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. - Hình thức: tự luận. 		
42	Bài 38: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển – đảo.	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nước ta có vùng biển rộng lớn, trong vùng biển có nhiều đảo và quần đảo. - Phân tích ý nghĩa của biển đảo đối với phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng. - Nắm được sự cần thiết phải phát triển tổng hợp kinh tế biển. Việc phát triển kinh tế biển phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường biển nhằm phát triển bền vững. - Nắm được các đặc điểm của ngành kinh tế biển: khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản, du lịch biển đảo. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ (xác định vùng biển, các đảo và quần đảo, bãi tắm ...) - Nhận xét các sơ đồ. 	<p>Lồng ghép giáo dục an ninh quốc phòng: Bài 38, 39 và 40: Ví dụ để chứng minh phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh biển.</p>	

			3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo.		
43	Bài 39: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển – đảo (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các đặc điểm của ngành kinh tế biển: khai thác và chế biến, khoáng sản biển; giao thông vận tải biển (tiềm năng, hiện trạng, hạn chế, phương hướng). - Nắm được nguyên nhân gây sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển và các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên, môi trường biển. <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Đọc bản đồ (khoáng sản biển, cảng biển, các tuyến giao thông đường biển ...)</p> <p>3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo.</p>	Lồng ghép giáo dục an ninh quốc phòng: Bài 38, 39 và 40: Ví dụ để chứng minh phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh biển.	
44	Bài 40: Thực hành: Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu ngành công nghiệp dầu khí	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ - Nắm được tình hình khai thác dầu thô, dầu thô xuất khẩu, xăng dầu nhập khẩu và chế biến dầu khí ở nước ta. - Rèn khả năng phân tích, tổng hợp kiến thức. - Xác định mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lược đồ (xác định các đảo lớn, các mỏ dầu khí ...) - Nhận xét bảng số liệu. - Nhận xét biểu đồ cột, phân tích tình hình khai thác dầu khí, xuất khẩu và nhập khẩu xăng dầu. 	Lồng ghép giáo dục an ninh quốc phòng: Bài 38, 39 và 40: Ví dụ để chứng minh phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh biển.	

			3. Thái độ: tiết kiệm và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường biển đảo.		
45	Bài 41: Địa lý thành phố Hồ Chí Minh	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được vị trí, phạm vi lãnh thổ TPHCM và nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển KT-XH. - Nắm được sự phân chia hành chính của thành phố. - Trình bày những thuận lợi và khó khăn điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của thành phố (địa hình, khí hậu, đất, sông, khoáng sản, rừng ...) <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ (xác định vị trí TPHCM, tiếp giáp) - Đọc bản đồ hành chính 16 quận, 5 huyện và 1 thành phố. - Rèn kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, giải thích hiện tượng. <p>3. Thái độ: ý thức bảo vệ, tài nguyên môi trường.</p>		
46	Bài 42: Địa lý thành phố Hồ Chí Minh (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được số dân, gia tăng dân số và phân bố dân cư. - Nắm được các loại hình cư trú - Trình bày tình hình phát triển văn hoá, giáo dục, y tế... - Nắm được tình hình chung phát triển kinh tế. <p>2. Kỹ năng: phân tích các bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê.... rút ra kết luận</p> <p>3. Thái độ: thực hiện chính sách dân số.</p>		

47	ÔN TẬP KIỂM TRA	1	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và sự phát triển nông lâm thủy sản, công nghiệp và dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. - Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo. - Địa lí Thành phố Hồ Chí Minh. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ biểu đồ và nhận xét, tính toán. - Đọc bản đồ. - Phân tích bảng số liệu, thống kê, giải thích, chứng minh ... <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>		
48	KIỂM TRA CUỐI HKII	1	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá năng lực học tập của mình. - Đánh giá mức độ tiếp thu cũng như vận dụng kiến thức của học sinh. - Củng cố lại những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng địa lí cho HS. - Kiểm tra ở 4 cấp độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. - Hình thức: tự luận. 		
49	Sửa bài kiểm tra cuối HKII		<ul style="list-style-type: none"> - Rút kinh nghiệm làm bài. - Rèn luyện kỹ năng địa lí. 		

50	Bài 43: Địa lý thành phố Hồ Chí Minh (tt)	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp: vị trí, cơ cấu, phân bố, các sản phẩm CN chủ yếu và hướng phát triển CN - Ngành nông nghiệp: vị trí, cơ cấu và phương hướng phát triển. - Ngành dịch vụ: vị trí, cơ cấu (GTVT, BCVT, Thương mại, du lịch ...) - Nắm được sự phân hoá kinh tế theo lãnh thổ. - Nắm được phương hướng phát triển kinh tế. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Suu tầm tư liệu, hình ảnh. - Nhận xét bảng số liệu. <p>3. Thái độ: có biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường.</p>		Bài 44: HS tự làm
----	--	---	---	--	--------------------------

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

KHỐI 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố và hệ thống lại những kiến thức đã học về Châu Á: <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan. + Dân cư, xã hội, phân bố dân cư và giải thích. + Đặc điểm phát triển kinh tế châu Á. <p>2. Kỹ năng:</p>	Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%,

			<p>Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ cột, phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa, đồ thị gia tăng dân số, nhận xét bảng số liệu, các dãy núi, sông ngòi, đồng bằng, sơn nguyên, các đới khí hậu ...</p> <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>	<p>vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)</p>
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi và cảnh quan châu Á) và giải thích. - Đặc điểm dân cư xã hội. - Các khu vực Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á: vị trí, giới hạn, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư, đặc điểm kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) <p>2. Rèn luyện kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng vẽ biểu đồ và nhận xét, tính MĐDS. - Nhận xét bảng số liệu, giải thích, chứng minh. - Đọc bản đồ. <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>	<p>Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)</p>
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 8	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống lại những kiến thức về Đông Nam Á và Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về Đông Nam Á: vị trí địa lí, tự nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội, đặc điểm dân cư, hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) - Về Việt Nam: vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ, vùng biển Việt Nam, tài nguyên khoáng sản, địa hình, khí hậu, sông ngòi Việt Nam. <p>2. Kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng đọc bản đồ, biểu đồ, xác định vị trí địa lí. - Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ và nhận xét. 	<p>Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)</p>

			- Nhận xét bảng số liệu, giải thích, chứng minh. 3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 14	1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức: về vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam, vùng biển, khoáng sản, địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật Việt Nam. 2. Kỹ năng : - Kỹ năng đọc bản đồ (xác định vị trí, khoáng sản, khí hậu, địa hình, sông ngòi, sinh vật ...) - Kỹ năng tính toán, vẽ biểu đồ và nhận xét. - Nhận xét bảng số liệu, giải thích, chứng minh. 3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.	Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)

KHỐI 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức: - Địa lí dân cư Việt Nam (dân tộc, số dân và gia tăng dân số, cơ cấu dân số, mật độ dân số và phân bố dân cư, đô thị hoá, nguồn lao động và sử dụng lao động, vấn đề việc làm, phân tích tháp tuổi.) - Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. - Đặc điểm phát triển và phân bố ngành: nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ ...	Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)

			<p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phân tích biểu đồ gia tăng dân số, sự phân bố dân cư, bảng số liệu, tháp tuổi. - Kỹ năng vẽ các loại biểu đồ (cột, đường) và nhận xét. - Đọc bản đồ (xác định cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, trung tâm CN, ngành CN, giao thông, tài nguyên du lịch...) <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức: về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và sự phát triển nông lâm thủy sản, công nghiệp và dịch vụ của các vùng kinh tế: Trung du và miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ; Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và miền Trung.</p> <p>2. Rèn luyện kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ biểu đồ và nhận xét, tính toán. - Đọc bản đồ. - Phân tích bảng số liệu, thống kê, giải thích, chứng minh ... <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>	Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 8	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức về Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về vị trí địa lí vùng, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư xã hội của vùng □ từ đó nắm được những thuận lợi, khó khăn của vùng trong việc phát triển kinh tế và giải thích một số vấn đề. - Về tình hình phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. <p>2. Kỹ năng:</p>	Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)

			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ. - Phân tích bảng số liệu, thống kê, giải thích, chứng minh ... - Vẽ biểu đồ và nhận xét, tính toán. <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>	dụng cao 10%)
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 15	<p>1. Kiến thức: Củng cố và hệ thống kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và sự phát triển nông lâm thủy sản, công nghiệp và dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. - Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo. - Địa lí Thành phố Hồ Chí Minh. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ biểu đồ và nhận xét, tính toán. - Đọc bản đồ. - Phân tích bảng số liệu, thống kê, giải thích, chứng minh ... <p>3. Thái độ: tự giác học tập, trung thực.</p>	Tự luận và trắc nghiệm Làm bài trên giấy (Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%)

III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn

1. Khối lớp: 7, 9; Số học sinh: 694 HS

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Biển – đảo	<p>- Học sinh nắm được một số kiến thức về biển đảo, tiềm năng kinh tế, chủ quyền biển và hải đảo Việt Nam, việc khai thác và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo; đặc biệt là một số văn bản pháp luật về biển đảo.</p> <p>- Giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, tình yêu quê hương biển đảo, nâng cao nhận thức, tinh thần tự hào dân tộc, trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương, đất nước. Đồng thời khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.</p>	2	Tháng 02	Tại trường	Tổ trưởng	Tổ Sử - Địa - GDCD	Sân khấu, âm thanh ...

		<p>- Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn về môi trường, chủ quyền biên giới, biển đảo.</p> <p>- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục các vấn đề liên quan đến biên giới biển đảo.</p>						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

2. Khối lớp: 6,7,8,9; Số học sinh: 1414.

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Tham quan hướng nghiệp, các di tích lịch sử.	- Khám phá bản thân và thế giới xung quanh, lịch sử hào hùng của dân tộc, phát triển đời sống tâm hồn phong phú, biết rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên và tình người, có	Cả ngày	Tháng 03	Địa điểm tham quan	BGH	Sinh, Sử, GDCD	Phương tiện di chuyển Các nhà máy sản xuất Các di tích lịch sử, danh

		quan niệm sống và ứng xử đúng đắn, đồng thời bồi dưỡng cho học sinh tình yêu đối với quê hương, đất nước - Định hướng nghề nghiệp tiếp thu được những kiến thức thực tiễn, quan sát và so sánh với những lý thuyết đã học trên ghế nhà trường.						lam thắng cảnh Câu hỏi thu hoạch
--	--	---	--	--	--	--	--	---

IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn

- Thực hiện văn bản 5555/BGDĐT-GDTrH Về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/ trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.
- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo quy định. (Họp tổ 2 lần/ tháng; họp nhóm 1 tuần/ 1lần)
- Thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc trưng bộ môn, vận dụng linh hoạt các hình thức dạy học để tiết học hứng thú, sinh động.
- Nội dung sinh hoạt nhóm bộ môn tập trung vào việc đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực học sinh cụ thể: tìm ra biện pháp giải quyết một vấn đề dạy học khó, nghiên cứu một phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, một chủ

đề dạy học, phương pháp hay nội dung bồi dưỡng học sinh tham gia các hội thi của nhóm bộ môn, thống nhất nội dung giảng dạy, đóng góp ý kiến xây dựng các tiết thao giảng, chuyên đề trong năm học, thiết kế các đồ dùng dạy học bộ môn, xây dựng ma trận đề kiểm tra, rút kinh nghiệm sau kiểm tra, báo cáo sáng kiến kinh nghiệm.

- Sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học trong các tiết học.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp tổ, nhóm, phòng giáo dục.
- Thực hiện các tiết thao giảng, chuyên đề có chất lượng (thực hiện trên bảng tương tác), dự giờ đồng nghiệp □ rút kinh nghiệm các tiết thao giảng, dự giờ.
- Thực hiện tiết thao giảng theo định hướng giáo dục Stem.
- Xây dựng kế hoạch cá nhân và thực hiện các biện pháp chuyên môn theo nhiệm vụ năm học.
- Dự giờ 10 tiết/ năm, rút được kinh nghiệm cho mình qua bài dạy của đồng nghiệp, góp ý xây dựng bài tích cực, thẳng thắn.
- Nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi. (nội dung, câu hỏi khó ...)
- Phụ đạo học sinh yếu: tăng cường làm bài tập vận dụng, rèn kỹ năng vẽ biểu đồ, nhận xét, tính toán, tăng cường đọc tập bản đồ....

V. Các nội dung khác:

1. Triển khai văn bản 4363/GDDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số

- Các cơ sở giáo dục tổ chức và hướng dẫn giáo viên tăng cường xây dựng và sử dụng kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung và đóng góp vào hệ tri thức Việt số hoá quốc gia tại địa chỉ <http://tracnghiem.itrithuc.vn/>

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, tổ chức bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao năng lực cho giáo viên về việc biên soạn và xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn để cụ thể hoá tiêu chí 4 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của câu hỏi kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn giáo viên sử dụng công cụ biên soạn câu hỏi trên mạng để xây dựng và sử dụng có hiệu quả ngân hàng câu hỏi trực tuyến trong quá trình dạy học.
- Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung theo hướng dẫn của văn bản số 5404/BGDĐT-GDTrH của Bộ GDĐT, các cơ sở giáo dục cần có biện pháp khuyến khích, động viên các tập thể và cá nhân làm tốt việc đổi mới kiểm tra, đánh giá và tham gia xây dựng, sử dụng ngân hàng câu hỏi trực tuyến theo chỉ đạo của Bộ GDĐT.

2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu

a. Phụ đạo học sinh yếu:

- Liên hệ chặt chẽ với GVCN và phối hợp với PHHS.
- Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập phù hợp với trình độ học sinh.
- Hướng dẫn thêm các kỹ năng bộ môn cho học sinh yếu kém và học sinh hòa nhập hoàn thành chương trình học theo khối lớp.
- Tổ chức phụ đạo học sinh yếu kém ở các khối.
- Tổ chức ôn tập cho toàn học sinh khối 9 ở sân trường theo hình thức đố vui.

b. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

- Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu bộ môn.
- Đầu tư bài giảng có chất lượng, động viên khuyến khích học sinh vào đội tuyển.
- Thành lập và duy trì đội tuyển HSG khối 8.

- Tăng cường ôn tập cho HSG khối 9 vào vòng Quận và thành phố.
- Bồi dưỡng học sinh dự thi Olympic ở các khối 6, 7, 8.
- Nội dung bồi dưỡng HS giỏi: địa lý Việt Nam. Phân công:
 - + Thầy Hoàng Mạnh Huê: Địa lí tự nhiên Việt Nam.
 - + Cô Thùy Tiên, Thầy Phạm Văn Toàn: Địa lí dân cư, địa lí ngành kinh tế, địa lí 7 vùng kinh tế và kỹ năng thực hành.

3. Tham gia cuộc thi, hội thi:

- Tham gia đầy đủ các hội thi do trường, phòng giáo dục, sở giáo dục tổ chức.
- Tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp trường và cấp quận (nếu có)

4. Câu lạc bộ học thuật: Không

5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học: Tham gia nghiêm túc khi phòng giáo dục yêu cầu.

6. Kế hoạch dạy trực tuyến: 30% số lượng kiến thức đưa lên trang cơ sở dữ liệu <https://truong.hcm.edu.vn/> các nội dung như: nội dung bài ghi, bài tập vận dụng, bài tập trắc nghiệm... tùy theo yêu cầu từng bài.

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)


Phan Trọng Bình

Tân Phú, ngày 15 tháng 09 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Bà Thị Thu Hương